|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Luật số: /2025/QH15 | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO 04.6.2025**

**LUẬT**

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐẤU THẦU; LUẬT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐÔI TÁC CÔNG TƯ; LUẬT HẢI QUAN; LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG; LUẬT THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU; LUẬT ĐẦU TƯ; LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG; LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

*Căn cứ* *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15**; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số**03/2022/QH15, Luật số**28/2023/QH15, Luật số**35/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15; Luật Hải quan số 54/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 07/2022/QH15; Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13;* *Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số**72/2020/QH14, Luật số**03/2022/QH15, Luật số**05/2022/QH15, Luật số**08/2022/QH15, Luật số**09/2022/QH15, Luật số**20/2023/QH15, Luật số**26/2023/QH15, Luật số**27/2023/QH15, Luật số**28/2023/QH15, Luật số**31/2024/QH15, Luật số**33/2024/QH15, Luật số**43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;* *Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số**07/2022/QH15, Luật số**24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số**43/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15;*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu**

1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 1 như sau:

“1. Hoạt động lựa chọn nhà thầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, trừ trường hợp quy định tại các khoản 7, 8 và 9 Điều 3 của Luật này để:”;

b) Bãi bỏ khoản 2.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp có quy định khác nhau về đấu thầu giữa Luật này và luật khác được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều này.”;

b) Sửa đổi đoạn đầu khoản 7 như sau:

“7. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tự quyết định việc mua sắm trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình trong các trường hợp sau đây:”;

c) Sửa đổi điểm d và bổ sung điểm d1 vào sau điểm d khoản 7 như sau:

“d) Hoạt động lựa chọn nhà thầu của doanh nghiệp nhà nước không sử dụng vốn ngân sách nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên không sử dụng ngân sách nhà nước;

d1) Lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật này; lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã ký hợp đồng;”;

d) Bổ sung khoản 8 và khoản 9 vào sau khoản 7 như sau:

“8. Đối với phần kinh phí khoán chi của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng toàn bộ hoặc một phần ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân chủ trì được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

9. Đối với việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp thông qua mua trực tiếp từ hộ gia đình, cá nhân thì tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện mua gom trực tiếp hàng hóa, dịch vụ từ hộ gia đình, cá nhân.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Bên mời thầu là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.”;

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Cơ quan có thẩm quyền là cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền là cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Dự án đầu tư (sau đây gọi là dự án) gồm: chương trình, dự án, nhiệm vụ, đề án quy hoạch theo quy định của pháp luật.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 1 Điều 5 như sau:

“i) Đối với đấu thầu quốc tế, nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước, trừ trường hợp hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu có quy định khác.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý và trừ trường hợp quy định tại khoản 4a Điều này.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp công lập, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1
Điều này;”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 như sau:

“g) Nhà thầu là cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền công nhận; trung tâm đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận: doanh nghiệp công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao; tổ chức khoa học và công nghệ; trung tâm nghiên cứu và phát triển theo quy định của pháp luật;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 như sau:

“h) Nhà thầu có sử dụng lao động nữ; thương binh, người khuyết tật; người dân tộc thiểu số;”;

c) Bổ sung điểm i vào sau điểm h khoản 1 như sau:

“i) Sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành; sản phẩm, hàng hóa từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước; sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng tiêu chí về nghiên cứu, thiết kế, phát triển do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Được ưu tiên trong đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, tư cách hợp lệ và các tiêu chí khác trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu;”.

đ) Bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 3 như sau:

“g) Hàng hóa là sản phẩm quy định tại điểm i khoản 1 Điều này được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.”.

e) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 4 như sau:

“c) Nhà đầu tư là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền công nhận, trung tâm đổi mới sáng tạo; tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao; nhà đầu tư nước ngoài có cam kết chuyển giao công nghệ cho nhà đầu tư trong nước;”.

7. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn mà người có thẩm quyền xét thấy cần có sự tham gia của nhà thầu nước ngoài để nâng cao chất lượng của gói thầu, dự án, chủ đầu tư quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định tổ chức đấu thầu quốc tế;”;

b) Bãi bỏ điểm c khoản 2;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 như sau:

“đ) Dự án không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này và đã công bố, thông báo mời quan tâm tổ chức đấu thầu quốc tế nhưng không có nhà đầu tư nước ngoài quan tâm.”

d) Bổ sung khoản 3 và khoản 4 vào sau khoản 2 như sau:

“3. Đối với dự án thực hiện tại khu vực hạn chế tiếp cận đất đai, khu vực biển hạn chế sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan, người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng đấu thầu quốc tế hoặc đấu thầu trong nước trên cơ sở ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, cơ quan khác có liên quan (nếu có).

4. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ hoặc nhà thầu phụ đặc biệt là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ.”.

8. Bãi bỏ điểm c khoản 10 Điều 14.

9. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 16 như sau:

a) Bãi bỏ điểm h và điểm k khoản 6;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 7 như sau:

“7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 và điểm g khoản 9 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật này, bao gồm:”;

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Các hình thức lựa chọn nhà thầu bao gồm:

a) Chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng, mua sắm trực tiếp;

b) Đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh, đấu thầu hạn chế;

c) Tự thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng, đàm phán giá.”.

11. Bãi bỏ khoản 2 Điều 21.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Gói thầu có yêu cầu đặc thù về kỹ thuật mà chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“**Điều 23. Chỉ định thầu**

1. Chỉ định thầu được áp dụng để giao cho một nhà thầu thực hiện gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

a) Có yêu cầu cấp bách, khẩn cấp nhằm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo vệ chủ quyền quốc gia; ngăn chặn hoặc xử lý hậu quả do sự kiện bất khả kháng, bảo vệ tài sản, sức khỏe, tính mạng của người dân;

b) Có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước;

c) Thuộc dự án đầu tư công đặc biệt; dự án đầu tư công khẩn cấp; dự án quan trọng quốc gia được cho phép áp dụng tại Nghị quyết của Quốc hội khi quyết định chủ trương đầu tư dự án;

d) Có duy nhất một nhà thầu, nhà sản xuất cung cấp hàng hóa, dịch vụ trên thị trường;

đ) Có tính chất đặc thù trong nghiên cứu, thử nghiệm, quyền tác giả, bản quyền, bảo hành hoặc tương thích về công nghệ, bản quyền;

e) Thuộc hạn mức áp dụng chỉ định thầu theo quy định của Chính phủ;

g) Thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

h) Thuộc các lĩnh vực chiến lược, các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đặc biệt, chuyển đổi số;

i) Gói thầu cần đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả của dự án.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“**Điều 24. Chào hàng cạnh tranh**

1. Chào hàng cạnh tranh được áp dụng đối với gói thầu có giá gói thầu trong hạn mức theo quy định của Chính phủ thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản;

b) Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng;

c) Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt;

d) Gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp, trong đó nội dung xây lắp đáp ứng quy định tại điểm c khoản này.

2. Gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh không bắt buộc đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau:

“2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29 như sau:

“1. Việc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có một hoặc một số điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng; về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hoặc có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ, lợi ích quốc gia, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 và 29a của Luật này.”.

17. Bổ sung Điều 29a và 29b vào sau Điều 29 như sau:

“**Điều 29a. Đặt hàng**

Đặt hàng là hình thức giao trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện các gói thầu, dự án thuộc các trường hợp sau:

1. Sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công.

2. Hàng hóa, dịch vụ thuộc các lĩnh vực chiến lược, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, đào tạo nhân lực gắn với chuyển giao công nghệ; công nghệ số trọng điểm.

3. Sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp được đặt hàng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 29b. Nguyên tắc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu**

1. Chủ đầu tư áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại khoản 1 Điều này trên cơ sở đáp ứng quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 và 29a của Luật này.

2. Đối với gói thầu đáp ứng điều kiện áp dụng của một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu tại điểm a khoản 1 Điều 20 của Luật này mà chủ đầu tư quyết định áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu tại điểm b khoản 1 Điều 20 của Luật này thì thực hiện theo trình tự, thủ tục của hình thức tương ứng.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

18. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 1 Điều 30 như sau:

“a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp. Trường hợp gói thầu đáp ứng quy định tại điểm b, điểm b1 khoản 1 và khoản 2a Điều 31 của Luật này thì được lựa chọn áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ hoặc một giai đoạn hai túi hồ sơ;

b) Chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp;”.

19. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 31 như sau:

a) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 1 Điều 31 như sau:

“c) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu mua thuốc, vật tư y tế, thiết bị y tế.”.

b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 31 như sau:

“1a. Trường hợp chủ đầu tư tổ chức đấu thầu rộng rãi đối với gói thầu có yêu cầu sử dụng công nghệ hoặc sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao thì được áp dụng phương thức quy định tại Điều này.

20. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 34 như sau:

“2a. Chỉ định nhà đầu tư:

a) Chỉ định nhà đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh cần thực hiện trong các trường hợp: dự án do nhà đầu tư đề xuất mà nhà đầu tư có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ chiến lược; dự án cần tiếp tục lựa chọn nhà đầu tư trước đó đã triển khai hạ tầng số, nền tảng số nhằm bảo đảm tương thích, đồng bộ, kết nối về kỹ thuật; dự án đầu tư kinh doanh cần đẩy nhanh tiến độ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia do nhà đầu tư đề xuất theo quy định của Chính phủ;

b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư đối với dự án quy định tại điểm a khoản này.”.

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 34a như sau:

“**Điều 34a. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt**

1. Việc lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh có một trong các điều kiện sau đây:

a) Có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ, lợi ích quốc gia, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia;

b) Có yêu cầu thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ để thực hiện dự án thuộc các lĩnh vực chiến lược, các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, quan trọng quốc gia;

c) Có yêu cầu đặc thù về thủ tục đầu tư hoặc thủ tục lựa chọn nhà đầu tư hoặc thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển;

d) Có điều kiện đặc thù khác mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 2a Điều 34 của Luật này.

2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này.”.

22. Bãi bỏ khoản 9 Điều 39.

23. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 40 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm nội dung công việc và giá trị tương ứng hình thành các gói thầu được thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 và 29a của Luật này;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật này hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư thì người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.”;

c) Bãi bỏ khoản 3.

24. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 41 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm nội dung công việc và giá trị tương ứng hình thành gói thầu được thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 và 29a của Luật này;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 40 của Luật này.”;

c) Bãi bỏ khoản 3.

25. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 42 như sau:

“a) Lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu”;

26. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

“**Điều 43. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu**

1. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu có thể bao gồm một hoặc một số công việc sau:

a) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu;

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu;

c) Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;

d) Thương thảo hợp đồng, thương thảo về đề xuất của nhà thầu;

đ) Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu (nếu có);

e) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.

Đối với hình thức chỉ định thầu, trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

“**Điều 44. Nội dung hồ sơ mời thầu đối với lựa chọn nhà thầu**

1. Hồ sơ mời thầu bao gồm các yêu cầu cho gói thầu về chỉ dẫn nhà thầu, tiêu chuẩn đánh giá, dự thảo hợp đồng và các nội dung khác.

2. Hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ và tiêu chuẩn khác do Chính phủ quy định để bảo đảm chất lượng của hàng hóa, dịch vụ, công trình.

3. Hồ sơ mời thầu không được nêu điều kiện dẫn đến làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

28. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

“**Điều 45. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu**

1. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu được quy định như sau:

a) Thời gian chuẩn bị hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu được tính kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu;

b) Thời gian sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu được thực hiện trước ngày có thời điểm đóng thầu;

c) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu được phát hành đồng thời với thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu.

2. Đối với các công việc khác ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư có trách nhiệm quyết định thời gian thực hiện trên cơ sở bảo đảm tiến độ của dự án, gói thầu.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.”.

29. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 50 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

“b) Lập, thẩm định (nếu có), phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ như sau:

“đ) Đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, mời thương thảo hợp đồng, thẩm định (nếu có), phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;”.

30. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 53 như sau:

a) Bãi bỏ khoản 2;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu áp dụng mua sắm tập trung được thực hiện theo quy định của Chính phủ.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và quy định việc tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân và cơ sở y tế là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.”.

31. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 56 như sau:

“2. Chính phủ quy định trách nhiệm công bố danh mục thuốc quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.”.

32. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 58 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 58 như sau

“a) Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá có thể được áp dụng đối với gói thầu quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 1a Điều 31 của Luật này;”.

b) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Phương pháp dựa trên kỹ thuật:

a) Phương pháp dựa trên kỹ thuật có thể được áp dụng đối với gói thầu có yêu cầu sử dụng công nghệ hoặc sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao;

b) Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và đạt điểm kỹ thuật cao nhất được xếp hạng thứ nhất, được mời đến mở hồ sơ đề xuất tài chính, làm cơ sở để thương thảo hợp đồng.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Đối với tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, sử dụng phương pháp chấm điểm hoặc tiêu chí đạt, không đạt. Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, phương pháp dựa trên kỹ thuật quy định tại khoản 3 và khoản 3a Điều này, sử dụng phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Khi sử dụng phương pháp chấm điểm, phải quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật.”.

33. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 61 như sau:

“e) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Đối với gói thầu xây lắp, trường hợp nhà thầu chào giá dự thầu thấp bất thường, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu giải trình, làm rõ tính khả thi, hợp lý của giá dự thầu để làm cơ sở đánh giá đáp ứng hoặc loại bỏ hồ sơ dự thầu theo quy định của Chính phủ.”.

34. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 62 như sau:

a) Sửa đổi điểm a và bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 2 như sau:

“a) Tiêu chuẩn đánh giá năng lực của nhà đầu tư gồm: khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu, trừ trường hợp quy định tại điểm a1 khoản này; huy động vốn vay, nguồn vốn hợp pháp khác.

Trường hợp liên danh, năng lực của nhà đầu tư được xác định bằng tổng năng lực của các thành viên liên danh; nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên trong liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%;

a1) Các nhà đầu tư sau đây không phải chứng minh khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu: doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định pháp luật khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao;”;

b) Bổ sung các khoản 4a, 4b và 4c vào sau khoản 4 như sau:

“4a. Đối với trường hợp dự án áp dụng lựa chọn nhà đầu tư quốc tế, nhà đầu tư nước ngoài cam kết chuyển giao công nghệ cho nhà đầu tư, đối tác trong nước thì được hưởng ưu đãi khi đánh giá hồ sơ dự thầu.

4b. Đối với dự án đầu tư kinh doanh do nhà đầu tư đề xuất áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư, đánh giá hồ sơ dự thầu theo phương pháp đạt, không đạt trên cơ sở tiêu chuẩn đánh giá quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều này.

4c. Trường hợp sau khi đánh giá hồ sơ dự thầu mà có từ hai nhà đầu tư trở lên có điểm tổng hợp ngang nhau thì ưu tiên nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự.

Các nhà đầu tư là các tổ chức, doanh nghiệp quy định tại điểm a1 khoản 2 Điều này được sử dụng dự án, công trình do mình trực tiếp thực hiện mà công nghệ đã được đưa vào vận hành thử nghiệm thành công để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự khi tham dự thầu.

35. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 68 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Nhà thầu thực hiện gói thầu có giá gói thầu thuộc hạn mức chỉ định thầu.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo mức xác định từ 2% đến 10% giá hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu gói thầu xây lắp với giá thấp bất thường theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 61 của Luật này, chủ đầu tư có thể yêu cầu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng lớn hơn 10% nhưng không quá 30% giá hợp đồng.”.

36. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 70 như sau:

“4. Khi sửa đổi hợp đồng làm thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng hoặc vượt giá gói thầu (bao gồm dự phòng) được duyệt nhưng không làm vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư quyết định. Trường hợp dự án, dự toán mua sắm gồm nhiều gói thầu, tổng giá hợp đồng sau khi điều chỉnh phải bảo đảm không vượt tổng mức đầu tư, dự toán mua sắm.”.

37. Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 76

38. Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 77.

39. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 78 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;”;

b) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

“1a. Yêu cầu nhà thầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong quá trình đánh giá hồ sơ.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này (nếu có).”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Quyết định thành lập tổ chuyên gia đáp ứng quy định tại Điều 19 của Luật này trong trường hợp không thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.”.

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 12 như sau:

“12. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về các nội dung sau:

a) Việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

b) Việc chuẩn bị, tổ chức lựa chọn nhà thầu; ký kết, quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu;

c) Tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu.”;

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 13 như sau:

“13. Thương thảo (nếu có) và hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu, quản lý thực hiện hợp đồng (nếu có); thương thảo (nếu có) và hoàn thiện thỏa thuận khung với nhà thầu, quản lý thực hiện thỏa thuận khung (nếu có) đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung.”;

g) Bổ sung khoản 13a vào sau khoản 13 như sau:

“13a. Chấp thuận hoặc không chấp thuận việc điều chuyển khối lượng, phạm vi công việc của nhà thầu phụ cho tổ chức, đơn vị khác khi cần đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng gói thầu khi nhà thầu chính đề xuất.”.

40. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 79 như sau:

a) Bãi bỏ khoản 1;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 2 như sau:

“2. Đối với lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu có trách nhiệm sau đây:”;

c) Bổ sung điểm k1 vào sau điểm k khoản 2 như sau:

“k1) Cung cấp thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu;”.

41. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 80 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a vào trước khoản 1 như sau:

“1a. Trung thực, khách quan trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.”;

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Trình duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu.”.

42. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 82 như sau:

“4a. Quản lý, kiểm soát khối lượng, phạm vi công việc của gói thầu do nhà thầu phụ thực hiện; báo cáo chủ đầu tư việc điều chuyển khối lượng công việc của nhà thầu phụ cho tổ chức, đơn vị khác khi cần đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng gói thầu.”.

43. Sửa đổi, bổ sung Điều 83 như sau:

“**Điều 83. Trách nhiệm và nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu trên phạm vi cả nước.

2. Nội dung quản lý nhà nước về đấu thầu gồm:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu;

b) Tổng kết, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

c) Quản lý hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về đấu thầu trên phạm vi cả nước;

d) Giám sát, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị trong đấu thầu và xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu theo thẩm quyền, trách nhiệm quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ đấu thầu, tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

e) Hợp tác quốc tế về đấu thầu.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

44. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 86 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Kiểm tra hoạt động đấu thầu được thực hiện đối với một hoặc các hoạt động sau: việc ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu; tổ chức hoạt động đấu thầu; các hoạt động quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật này; các hoạt động khác liên quan đến hoạt động đấu thầu;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc Bộ, ngành, địa phương thực hiện việc giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với các gói thầu thuộc dự án, dự án đầu tư kinh doanh, dự toán mua sắm trên địa bàn, lĩnh vực quản lý, các hoạt động quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật này;”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 như sau:

“đ) Giám sát hoạt động đấu thầu được thực hiện đối với một hoặc các nội dung sau: hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án; quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; gói thầu, dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu, chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt; thực hiện công tác đấu thầu của chủ đầu tư, bên mời thầu; việc đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng, kết quả thực hiện gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh của nhà thầu, nhà đầu tư;”.

45. Sửa đổi, bổ sung Điều 87 như sau:

“**Điều 87. Xử lý vi phạm**

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Luật này còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 05 năm thuộc phạm vi quản lý của người có thẩm quyền; bộ, ngành, địa phương; toàn quốc.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

46. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 89 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.”;

b) Bổ sung khoản 4 và khoản 5 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Trường hợp kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư do người có thẩm quyền giải quyết thì việc giải quyết kiến nghị được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.

5. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện xem xét giải quyết kiến nghị, quy trình giải quyết kiến nghị; thành phần, trách nhiệm và hoạt động Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.”.

47. Bãi bỏ các điều 57, 84, 90, 91, 92, 93

48. Thay thế cụm từ “*bên mời thầu*” bằng cụm từ “*chủ đầu tư*” tại khoản 19, 20, 22 Điều 4, điểm b khoản 1 Điều 8, điểm đ khoản 9 Điều 14.

49. Thay thế cụm từ “*bên mời thầu*” bằng cụm từ “*chủ đầu tư, bên mời thầu*” tại khoản 21 và khoản 23 Điều 4, khoản 3 Điều 9, khoản 6 và khoản 8 Điều 14, điểm c khoản 3 Điều 16, khoản 5 Điều 51, khoản 2 Điều 80, khoản 1 Điều 82.

50. Thay thế cụm từ “*bên mời thầu*” bằng cụm từ “*bên mời thầu, tổ chuyên gia*” tại khoản 2 Điều 81.

51. Bãi bỏ cụm từ “*bên mời thầu*” tại điểm b khoản 4, khoản 4a Điều 6, điểm c khoản 1 Điều 15, điểm a khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 33, điểm b khoản 1 Điều 55, điểm b khoản 8 Điều 77.

52. Bãi bỏ cụm từ “*doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*” tại điểm b khoản 7 Điều 3; cụm từ “*doanh nghiệp*” tại khoản 4 Điều 53.

53. Bãi bỏ cụm từ “*kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu*” tại khoản 2 Điều 19.

54. Bãi bỏ cụm từ “*hồ sơ yêu cầu*” tại điểm a khoản 2 Điều 6.

…

**Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Quy định chuyển tiếp các quy định sửa đổi, bổ sung [Luật](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Dau-tu-so-61-2020-QH14-321051.aspx) Đấu thầu như sau:

a) Các gói thầu lựa chọn nhà thầu, dự án đầu tư kinh doanh đã phê duyệt và phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

b) Đối với gói thầu đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mà kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt không phù hợp với Luật này thì phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu để phù hợp với quy định của Luật này;

c) Đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp và gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên không sử dụng vốn ngân sách nhà nước đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thì người có thẩm quyền được quyết định việc tiếp tục lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 hoặc quy định tại Luật này.

d) Gói thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 2 của Luật này lựa chọn áp dụng đấu thầu qua mạng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được thực hiện quy trình, thủ tục tương ứng với hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại Luật này hoặc áp dụng theo quy trình, thủ tục cho nguồn vốn khác quy định trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.